

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày 31- 3 - 2025

V/v: Không công nhận
quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Hợi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang và bà Bùi Thị Thêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 174/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/12/2024 về việc “Ly hôn (Không công nhận quan hệ vợ chồng)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hà Thị G, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn 01, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Hà Văn Đ, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn 01, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Hà Thị G trình bày:*

Bà Hà Thị G và ông Hà Văn Đ, có tình cảm yêu thương nhau và tổ chức đám cưới tại thôn 1, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk từ năm 1998 đến nay. Tuy nhiên hai bên chỉ tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống, bà G và ông Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, thường xuyên cãi nhau. Nhiều năm gần đây bà G bị bệnh tim, không phụ giúp được nhiều cho gia đình, nên ông Đ thường xuyên có thái độ khó chịu, la mắng, hằn học với bà G. Vì gia đình và con cái bà G đã cố gắng rất nhiều để níu giữ hạnh phúc gia đình, nhưng bà G không thể chịu đựng thêm và không thể tiếp tục sống chung với ông Đ được nữa nên ông bà đã sống ly thân từ khoảng tháng 08 năm 2023 cho đến nay. Xét thấy tình cảm giữa bà G và ông Đ không còn hạnh phúc, nên bà G yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M giải quyết chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa bà G với ông Đ.

Về con chung: Trong quá trình sống chung, ông Đ và bà G có 03 con chung, họ tên là Hà Thị A, sinh ngày 23/3/2000; Hà Văn Q, sinh ngày 28/10/2001 và Hà Văn Q1, sinh ngày 11/3/2007.

Các con Hà Thị A và Hà Văn Q hiện đã trưởng thành. Khi ly hôn, bà G có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hà Văn Q1 đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung, bà G không yêu cầu giải quyết.

** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Hà Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày. Tòa án đã tiến hành niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.*

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là chính đáng, có cơ sở nên cần chấp nhận, đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hà Thị G và ông Hà Văn Đ. Về con chung: Đến thời điểm xét xử sơ thẩm, tất cả các con chung đã đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đương sự là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị G, Tòa án nhân dân huyện M xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Không công nhận quan hệ vợ chồng” được quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn 01, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị G và ông Hà Văn Đ có tổ chức đám cưới theo phong tục và tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến nay. Tuy nhiên bà G và ông Đ không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, HĐXX xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà G là không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận.

Xét yêu cầu giải quyết về hôn nhân của bà Hà Thị G là có căn cứ nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hà Thị G và ông Hà Văn Đ.

[3] Về con chung: Bà Hà Thị G và ông Hà Văn Đ có 03 con chung, tên là Hà Thị A, sinh ngày 23/3/2000 ; Hà Văn Q, sinh ngày 28/10/2001 và Hà Văn Q1, sinh ngày 11/3/2007.

Tính đến thời điểm xét xử, tất cả con chung của ông Đ và bà G đều đã trưởng thành(đủ 18 tuổi), các con không thuộc trường hợp phải nuôi dưỡng hoặc sống lệ thuộc theo quy định của pháp luật, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên HĐXX xét miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 8 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 220, khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hà Thị G và ông Hà Văn Đ.

2. Về án phí: Bà Hà Thị G được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã E;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Võ Đức Hợi